

Bài tập 1.

Cho bảng số liệu :

**Bảng 23.1. Giá trị sản xuất ngành trồng trọt (theo giá so sánh 1994)**

(Đơn vị : tỉ đồng)

Năm	Tổng số	Lương thực	Rau đậu	Cây công nghiệp	Cây ăn quả	Cây khác
1990	49 604,0	33 289,6	3 477,0	6 692,3	5 028,5	1 116,6
1995	66 183,4	42 110,4	4 983,6	12 149,4	5 577,6	1 362,4
2000	90 858,2	55 163,1	6 332,4	21 782,0	6 105,9	1 474,8
2005	107 897,6	63 852,5	8 928,2	25 585,7	7 942,7	1 588,5

- a) Hãy tính tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất ngành trồng trọt theo từng nhóm cây trồng (lấy năm 1990 = 100%).
- b) Dựa trên số liệu vừa tính, hãy vẽ trên cùng hệ trục tọa độ các đường biểu diễn tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất của các nhóm cây trồng.
- c) Nhận xét về mối quan hệ giữa tốc độ tăng trưởng và sự thay đổi cơ cấu giá trị sản xuất ngành trồng trọt. Sự thay đổi trên phản ánh điều gì trong sản xuất lương thực, thực phẩm và trong việc phát huy thế mạnh của nông nghiệp nhiệt đới ?

## Bài tập 2.

Cho bảng số liệu :

**Bảng 23.2. Diện tích gieo trồng cây công nghiệp hàng năm và cây công nghiệp lâu năm**

(Đơn vị : nghìn ha)

Năm	Cây công nghiệp hàng năm	Cây công nghiệp lâu năm
1975	210,1	172,8
1980	371,7	256,0
1985	600,7	470,3
1990	542,0	657,3
1995	716,7	902,3
2000	778,1	1 451,3
2005	861,5	1633,6

- a) Phân tích xu hướng biến động diện tích gieo trồng cây công nghiệp hàng năm và cây công nghiệp lâu năm trong khoảng thời gian từ 1975 đến 2005.
- b) Sự thay đổi trong cơ cấu diện tích cây công nghiệp (phân theo cây công nghiệp hàng năm và cây công nghiệp lâu năm) có liên quan như thế nào đến sự thay đổi trong phân bố sản xuất cây công nghiệp ?